

Ngày	42,850 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.5%	2.3%	-5.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	38,450 - 63,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186,585
Số lượng CPLH (CP)	4,354,367,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,891,860
Sở hữu nước ngoài	22.4%
Beta	1.09
EPS	5,074
P/E	8.4

DT thuần

Q1/24

8,211

tỷ VNĐ

QoQ: ▼487| -5.6%

YoY: ▼21,088| -72.0%

LN trước thuế

Q1/24

1,416

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 7.1%

YoY: ▼13,658| -90.6%

LN sau thuế

Q1/24

904

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0| 1.5%

YoY: ▼11,019| -92.4%

ROA

2023

8.3%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2023

103,557

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41,164| 66.0%

LN trước thuế

2023

43,310

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,667| 12.1%

LN sau thuế

2023

33,533

tỷ VNĐ

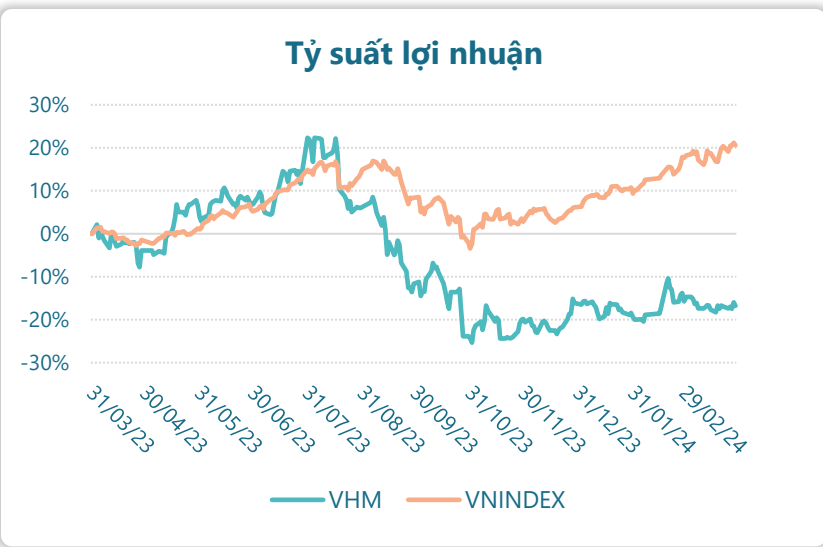
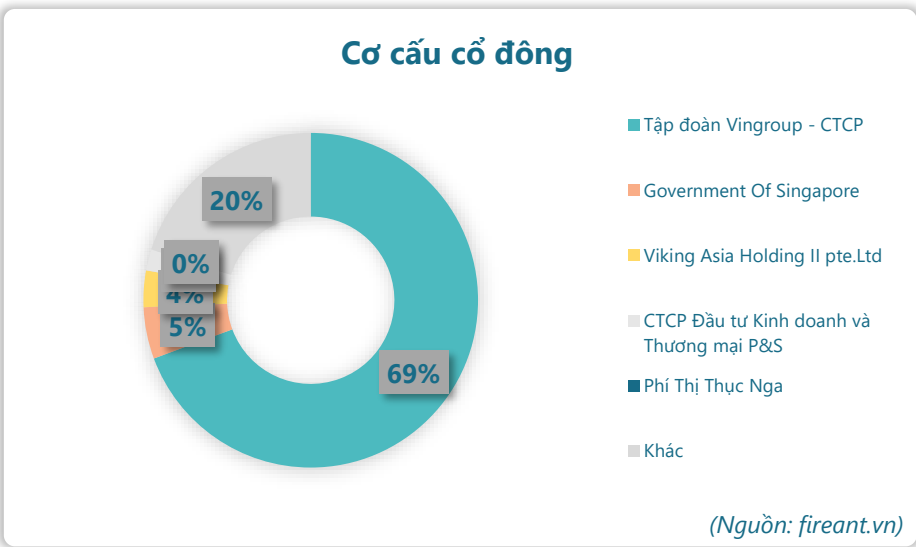
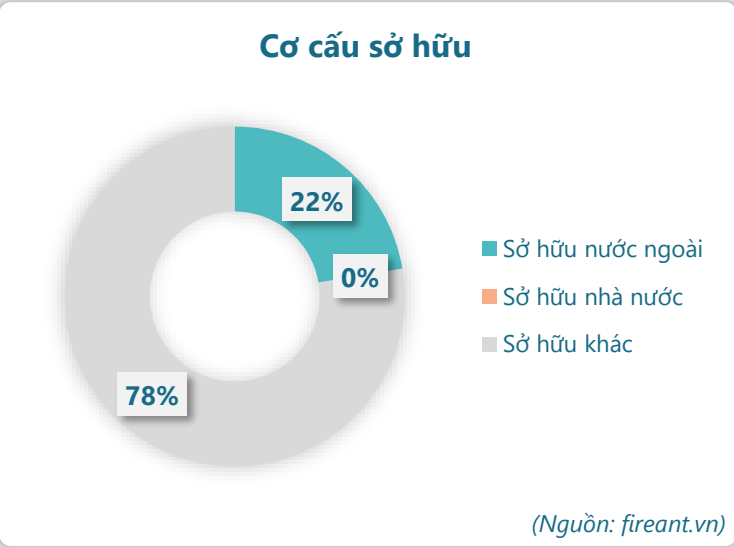
YoY: ▲ 4,371| 15.0%

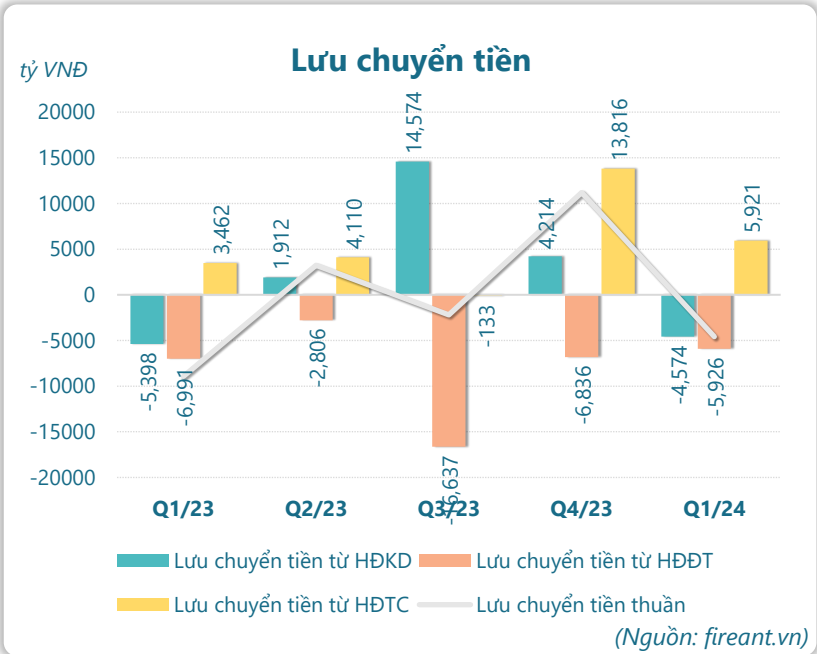
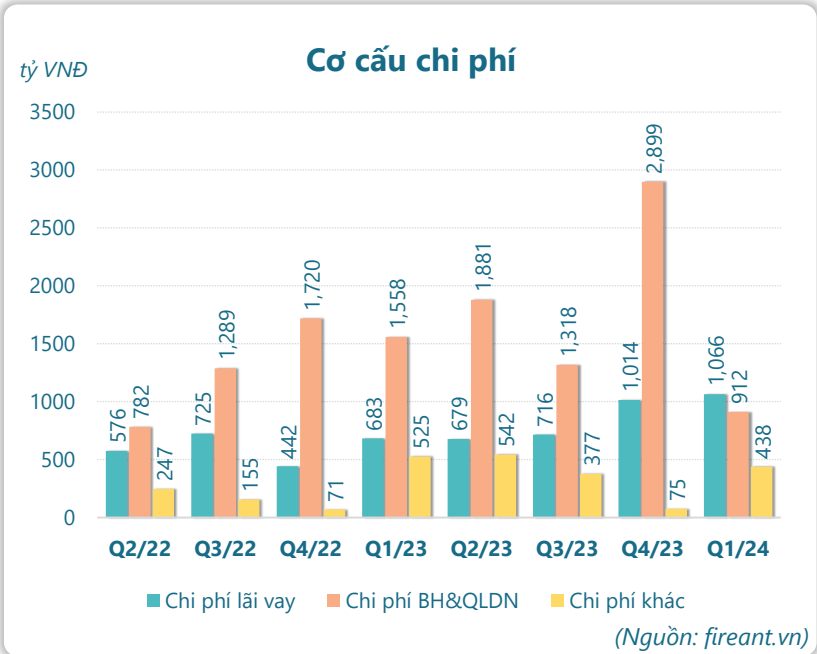
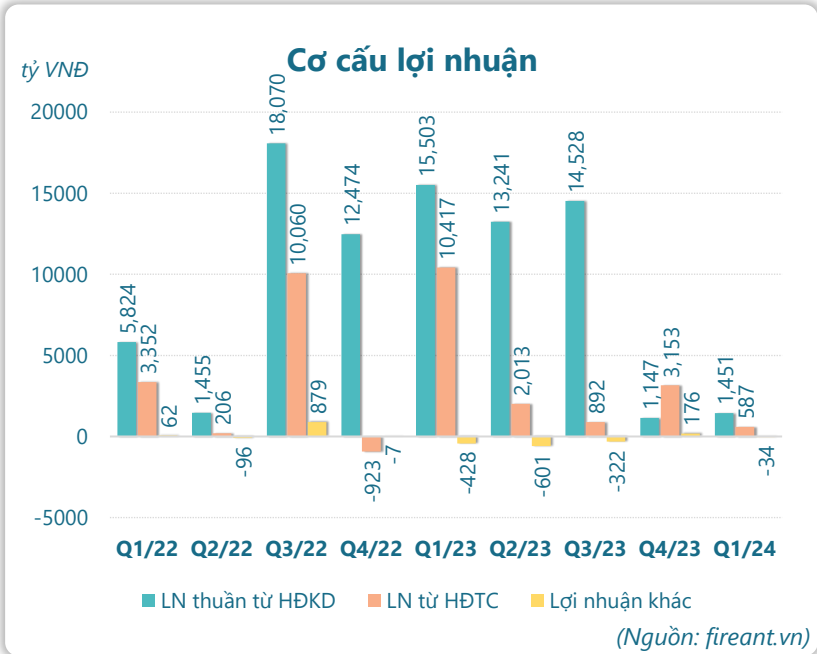
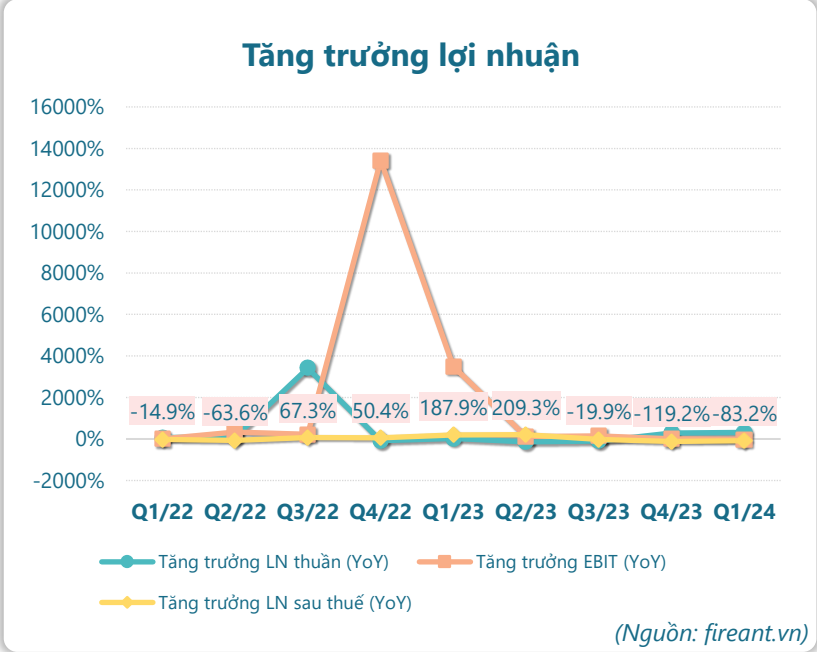
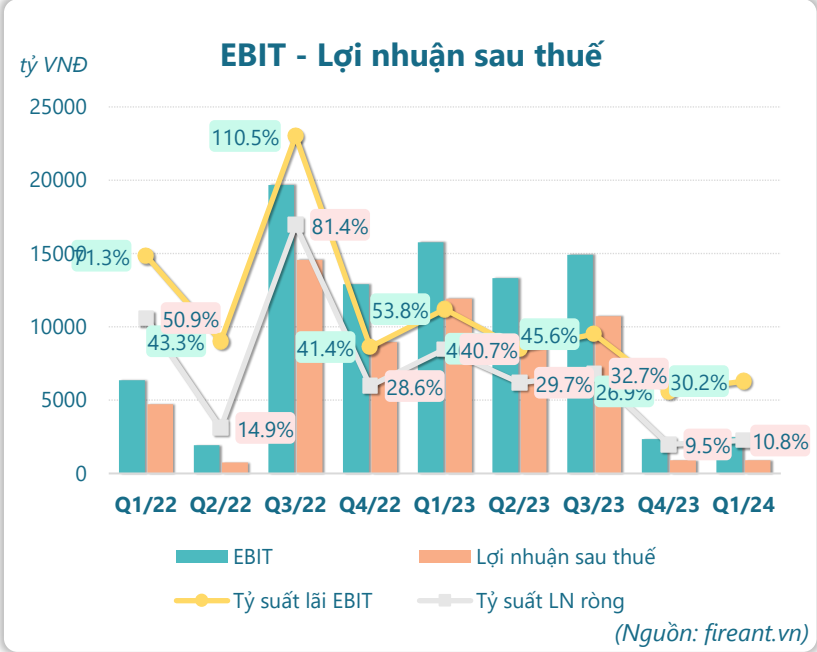
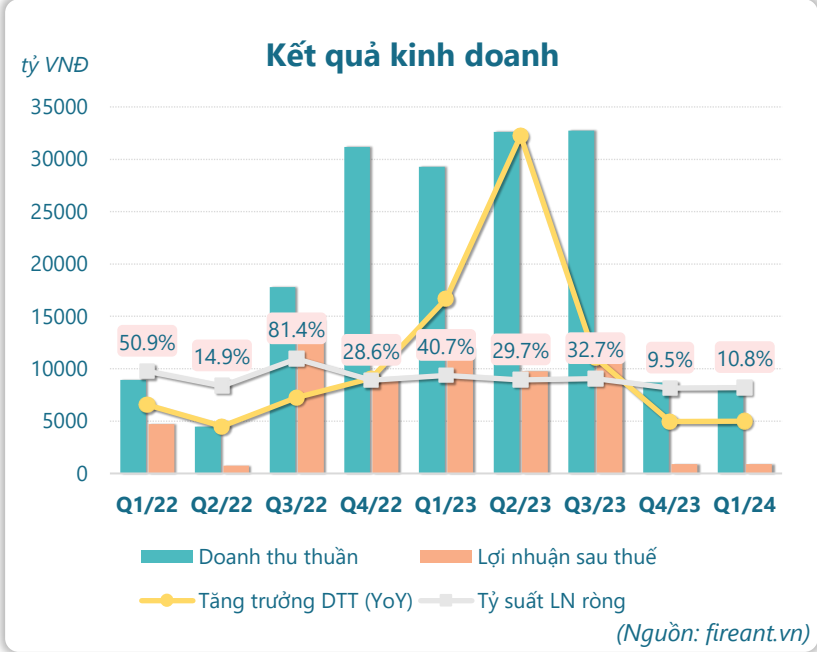
ROE

2023

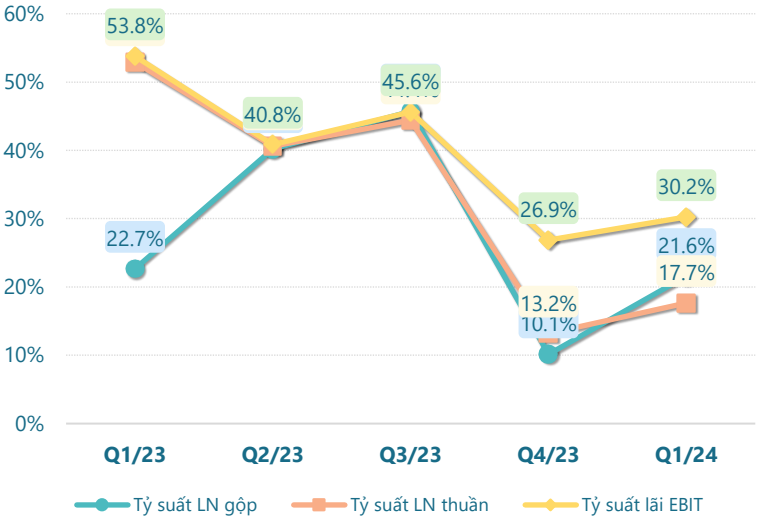
20.2%

+/- YoY: ▼ 0.4%



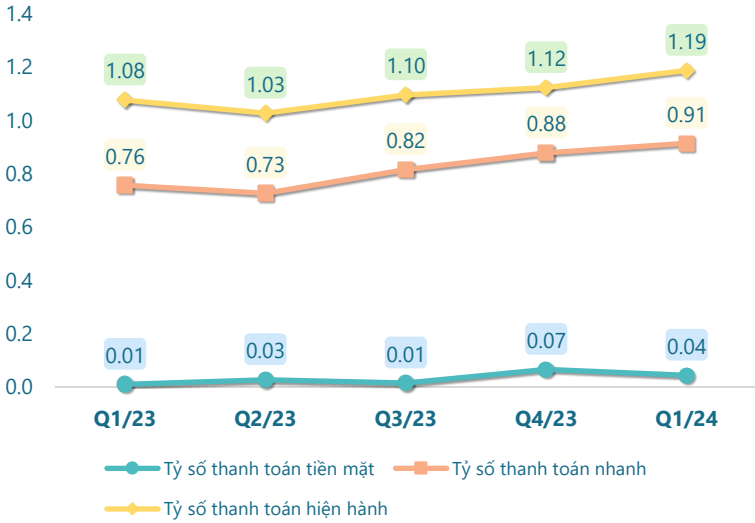


Tỷ suất lợi nhuận



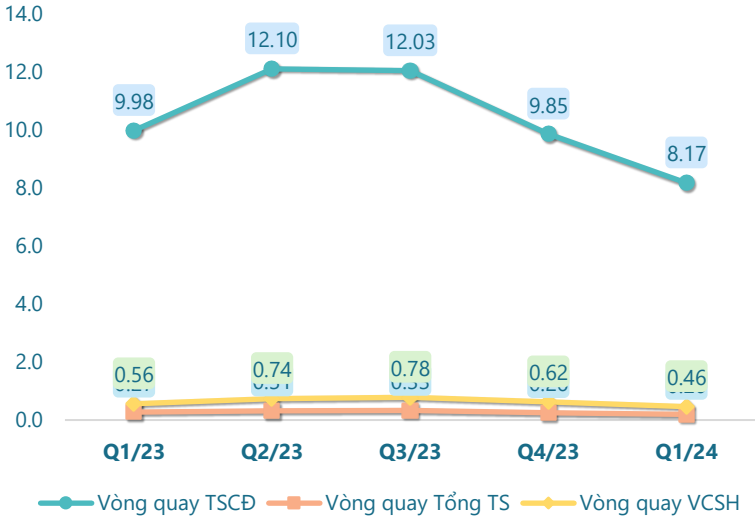
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



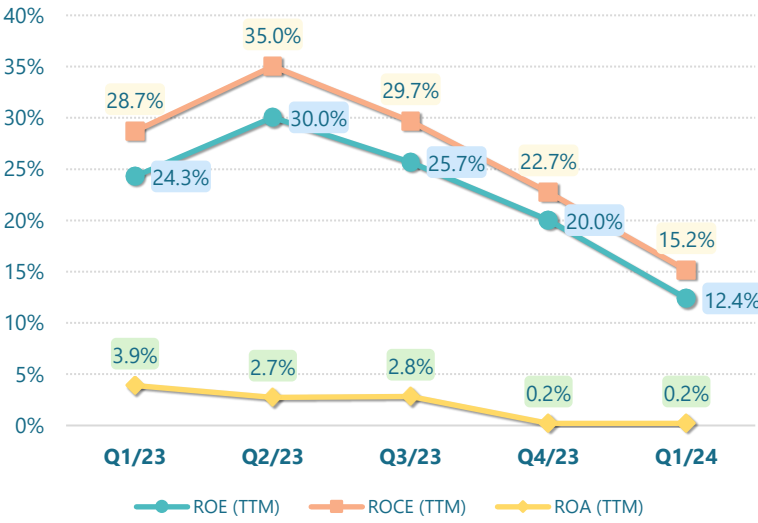
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



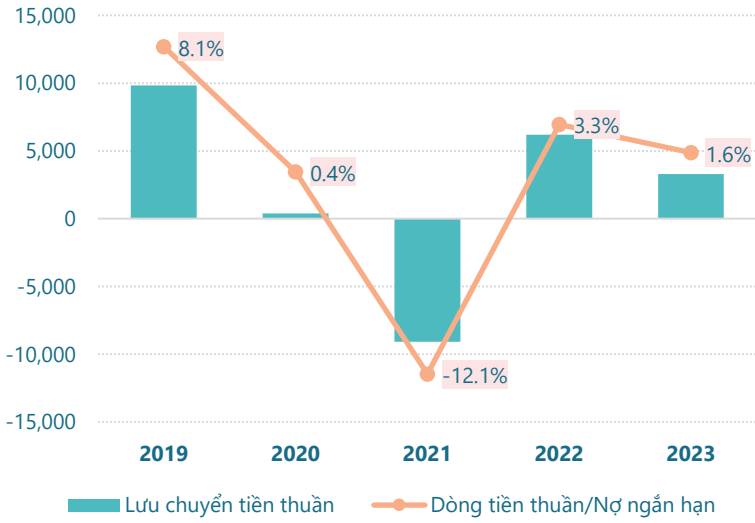
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



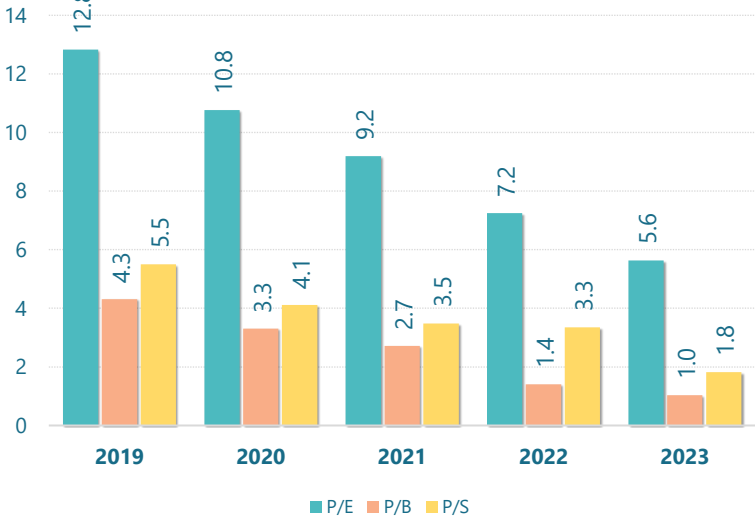
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)